TUẦN 15

Tiếng Việt (tăng)

Luyện tập về câu khiến

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Ôn luyện về câu khiến: Tìm được câu khiến; đặt được câu khiến.

- Hiểu và biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: làm được các bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia hoạt động tự tin, hiệu quả.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia học trong nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1.Khởi động:

|  |  |
| --- | --- |
| - Em hãy đặt một câu khiến để mượn bạn một đồ dùng học tập?  - Câu khiến có tác dụng gì?  - Cuối câu khiến dùng dấu gì? | - HS nối tiếp đặt câu  VD: Bạn cho tớ mượn cái kéo đi!  - Lớp nhận xét  - HS nêu |
| \* GV chốt: *Câu khiến dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn,… của người nói, người viết với người khác. Khi viết, cuối câu khiến có dấu chấm than hoặc dấu chấm.* | - HS lắng nghe |

2. Luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 1: Tìm và gạch chân dưới câu khiến trong những câu dưới đây:  a. Một anh chiến sĩ đến nâng con cá lên hai bàn tay nói nựng: “Có đau không, chú mình? Lần sau, khi nhảy múa phải chú ý nhé! Đừng có nhảy lên boong tàu!”  b. Con rùa vàng không sợ người, nhô thêm nữa, tiến sát về phía thuyền vua. Nó đứng nổi lên mặt nước và nói:  - Nhà vua hoàn gươm lại cho Long Vương! | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 tìm câu khiến.  - Câu khiến trong đoạn văn dùng để làm gì? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 4  - Đại diện HS trình bày  Đáp án  a. Lần sau, khi nhảy múa phải chú ý nhé! Đừng có nhảy lên boong tàu!  b. Nhà vua hoàn gươm lại cho Long Vương!  - HS nêu |
| \*GV chốt: *Câu khiến dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn,… của người nói, người viết với người khác* | - HS nghe và ghi nhớ |
| Bài 2: Khoanh vào chữ cái trước câu khiến trong các câu dưới đây:  a. Cô giáo đang giảng bài.  b. Bạn Tùng phải chăm chỉ học hành hơn!  c. Bà có đi chợ không?  d. A, bầu trời đẹp quá! | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2 tìm câu khiến. | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 2  - HS nêu miệng  Đáp án: khoanh vào b  - HS khác nhận xét |
| \* GV chốt: *Câu a là câu kể một sự việc, câu b là câu khiến, câu c là câu hỏi, câu d là câu cảm.* | - HS nghe và ghi nhớ |
| Bài 3: Chuyển các câu sau thành câu khiến:  a. Nam đi học.  b. Giang phấn đấu học giỏi.  c. Ngân chăm chỉ học bài. | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 chuyển câu kể thành câu khiến.  - Muốn chuyển câu kể thành câu khiến ta làm thế nào? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 4  - Đại diện lên bảng chữa bài  Đáp án:  a. Nam đi học *đi*!  b. Giang *phải* phấn đấu học giỏi!  c. Ngân *hãy* chăm chỉ học bài!  - HS khác nhận xét  - HS nêu |
| \*GV chốt: *Muốn chuyển câu kể thành câu khiến ta có thể thêm từ hãy, đừng, chớ, nên, phải, …vào trước từ chỉ hoạt động hoặc thêm từ nên, đi, thôi, nào,… vào cuối câu.* | - HS nghe và ghi nhớ |

3. Vận dụng

|  |  |
| --- | --- |
| ****Bài 4:**** Hãy đặt 3 câu khiến tương ứng với 3 tình huống sau:  a. Mượn bạn một cuốn truyện tranh.  b. Nhờ chị lấy hộ cốc nước.  c. Em muốn yêu cầu các bạn trong tổ em hãy làm bài tập về nhà đầy đủ. | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân đặt câu khiến theo yêu cầu.  - Khi đặt câu khiến đầu câu viết thế nào, cuối câu dùng dấu gì? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc cá nhân  - Một số HS lên bảng đặt câu  VD:  a. Bạn hãy cho mình mượn quyển truyện tranh!  b. Xin chị lấy hộ em cốc nước!  c. Mong các bạn làm bài tập về nhà cho đầy đủ.  - HS nêu  - HS khác nhận xét |
| \*GV chốt: *Khi đặt câu khiến đầu câu viết hoa, cuối câu dùng dấu chấm hoặc dấu chấm than*. | - HS nghe và ghi nhớ |
| - Dặn học HS ôn lại bài  - Nhận xét tiết học, chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

…………………………………………………………………………………………….

Tiếng Việt (tăng)

Luyện tập về so sánh

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ:

+ Củng cố về các sự vật được so sánh, các hình ảnh so sánh, từ so sánh và kiểu so sánh.

- Phát triển năng lực văn học:

+ Cảm nhận được giá trị văn học của các hình ảnh so sánh.

2. Năng lực chung.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia hoạt động trong nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1.Khởi động:

|  |  |
| --- | --- |
| - Em đã được học kiểu so sánh gì?  - Em hãy đặt một câu có hình ảnh so sánh sự vật với sự vật?  - Từ dùng để so sánh trong câu em vừa đặt là từ nào?  - GV nhận xét đánh giá. | - HS nêu: so sánh sự vật với sự vật  - HS nêu  - Lớp nhận xét  - HS nêu |
| \*GV chốt: *Khi nói hoặc viết câu có hình ảnh so sánh sẽ làm cho câu văn thêm gần gũi, sinh động, hấp dẫn hơn. Từ dùng để so sánh là từ như (là, như là, tựa như,…)* | - HS nghe và ghi nhớ |

2. Luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 1: Gạch chân dưới các sự vật được so sánh với nhau trong các câu văn sau: | |
| a. Gió lên vườn cải tốt tươi  Lá xanh như mảnh mây trời lao xao.  (Trần Đăng Khoa)  b. Ngôi nhà như chiếc lá  Phố dài như cành xanh.  (Nguyễn Hoa)  c.Ông trăng như cái mâm vàng  Mọc lên từ đáy đầm làng quê ta.  (Phạm Đông Hưng) | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4  - GV và HS chữa bài, chốt đáp án đúng. | - HS đọc, xác định yêu cầu của bài  - HS hoạt động nhóm  - Một số HS nêu đáp án trước lớp. |
| Đáp án:  a. Gió lên vườn cải tốt tươi  Lá xanh như mảnh mây trời lao xao.  (Trần Đăng Khoa) | b. Ngôi nhà như chiếc lá  Phố dài như cành xanh.  (Nguyễn Hoa) |
| c. Ông trăng như cái mâm vàng  Mọc lên từ đáy đầm làng quê ta.  (Phạm Đông Hưng) | |
| - Vì sao tác giải lại so sánh các sự vật đó với nhau? | - HS nêu |
| => Chốt: Hai sự vật được so sánh với nhau phải là hai sự vật có nét tương đối giống nhau, mục đích so sánh phải làm cho sự vật được đẹp thêm lên. | |

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 2: Hãy so sánh mỗi sự vật sau với một sự vật khác để tăng vẻ đẹp.  a. Đôi mắt tròn như …  b. Mùa đông, trời là ……  c. Bốn chân của chú voi to như… | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2  - Từ dùng để so sánh trong những câu trên là từ nào?  - Ngoài ra người ta còn có thể sử dụng các từ so sánh nào khác? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 2  - Một số HS lên bảng chữa bài  Đáp án:  a. Đôi mắt tròn như hạt nhãn.  b. Mùa đông, trời là cái tủ lạnh.  c. Bốn chân của chú voi to như cột đình.  - HS nêu: từ *như, là*  - HS nêu: tựa như, giống như,... |
| \*GV chốt: Các từ chỉ sự so sánh là: như, là, tựa như, giống như, … | - HS nghe và ghi nhớ |
| Bài 3: Dựa vào hình ảnh so sánh có ở mỗi câu, điền vào cột thích hợp:  a. Cầu Thê Húc màu son, cong cong như con tôm dẫn vào đền Ngọc Sơn.  b. Mắt hiền sáng tựa vì sao  Bác nhìn đến tận Cà Mau cuối trời.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Sự vật 1 | Đặc điểm giống nhau | Từ so sánh | Sự vật 2 | |  |  |  |  | |  |  |  |  | | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 4  - Một số HS lên bảng chữa bài |
| \*GV chốt đáp án:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Sự vật 1 | Đặc điểm giống nhau | Từ so sánh | Sự vật 2 | | Cầu Thê Húc | cong cong | như | con tôm | | Mắt hiền | sáng | tựa | vì sao | | |

4.Vận dụng

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 4: Quan sát tranh, viết câu có hình ảnh so sánh. | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân đặt câu có hình ảnh so sánh.  - Khi đặt câu có hình ảnh so sánh đầu câu viết thế nào, cuối câu dùng dấu gì? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc cá nhân  - Một số HS lên bảng đặt câu  VD:  a. Những hạt sương sớm long lanh như những viên ngọc.  b. Vầng trăng đầu tháng tựa như lưỡi liềm.  - HS nêu  - KKHS đặt câu có hình ảnh so sánh trong cuộc sống. |
| \* GV chốt: *Khi đặt câu có hình ảnh so sánh đầu câu viết hoa, cuối câu dùng dấu chấm. Lưu ý lựa chọn sự vật có nét tương đồng để so sánh.* | - HS nghe và ghi nhớ |
| - Dặn học HS ôn lại bài  - Nhận xét tiết học, chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

…………………………………………………………………………………………….

Tiếng Việt (tăng)

Luyện tập: Bản tin thể thao

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

*1.1. Năng lực ngôn ngữ:*

+ HS biết viết một đoạn văn (7 – 8 câu) về một buổi thi đấu thể thao.

*1.2. Năng lực văn học:*

- Biết chọn một số thông tin nổi bật để viết; viết có cảm xúc.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, luyện tập viết đúng, đẹp và hoàn thành.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết nhận xét, trao đổi về cách viết văn của bạn.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận, óc thẩm mỹ khi viết chữ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động:

|  |  |
| --- | --- |
| - Em hiểu thế nào là bản tin?  - Nên các bước viết bản tin thể thao? | - Bản tin là một bài văn hoặc đoạn văn ngắn nêu thông tin về một sự kiện trong đời sống hằng ngày.  - HS nêu |
| \* GV chốt: 5 bước viết bản tin: Viết về gì? tìm ý; sắp xếp ý; hoàn chỉnh; viết. | - HS nghe và ghi nhớ |

2. Luyện tập

Đề bài: Viết một bản tin ngắn về một buổi thi đấu thể thao mà em được xem.

|  |  |
| --- | --- |
| 2.1. Tìm hiểu đề  - Gọi 1 – 2 HS đọc đề  - Nêu yêu cầu của đề?  - GV yêu cầu HS quan sát, đọc gợi ý và ghi nhớ các bước ( Gồm 5 bước) | - HS đọc đề, lớp đọc thầm  - Viết một bản tin ngắn về một buổi thi đấu thể thao  - HS quan sát, đọc gợi ý 5 hs đọc lần lượt 5 bước trong sơ đồ viết bản tin; cả lớp đọc thầm theo. |
| 2.2. Viết bản tin mà em chọn  + Bước 1 (Viết về gì?)  - Em muốn viết về gì? | - HS lựa chọn nội dung chính của bản tin bằng cách trả lời  - Em muốn viết về Hội thi kéo co cấp trường. |
| + Bước 2: (Tìm ý)  - Hội thi kéo co diễn ra khi nào? Ở đâu?  - Có những ai tham gia? | - HS trả lời các CH gợi ý để xác định thông tin về thời gian, địa điểm, người tham gia, sự hưởng ứng của mọi người đối với hoạt động thể thao / buổi thi đấu.  - Hội thi kéo co diễn ra vào ngày 22 tháng 12, tại trường Tiểu học Thanh Quang.  - Các HS hào hứng tham gia thi đấu, còn các thầy cô nhiệt liệt cổ vũ. |
| + Bước 3 (Sắp xếp ý): HS xác định các ý chính: Tên hoạt động là gì? Hoạt động diễn biến như thế nào? Em hoặc những người tham gia có cảm xúc như thế nào? | - Tên hoạt động: Hội thi kéo co trường em.  - Diễn biến của hoạt động: Ngày 22 tháng 12, Trường Tiểu học Thanh Quang tổ chức hội thi kéo co. Người tham gia là học sinh toàn trường và các thầy cô giáo. Các học sinh đại diện cho mỗi khối lớp tranh tài, tranh sức để dành phần thắng.  - Cảm xúc của mọi người: HS rất hào hứng tham gia thi đấu, còn các thầy, cô và các bạn không thi đấu nhiệt liệt cổ vũ. |
| + Bước 4 (Viết): yêu cầu HS viết bản tin theo dàn ý đã lập. GV lưu ý HS viết câu đúng, giữa các câu có sự nối kết. | - HS viết bài vào vở ôli.  - một số HS đọc bài viết của mình trước lớp. |
| + Bước 5 (Hoàn chỉnh): yêu cầu HS đọc lại bản tin đã viết, chỉnh sửa các lỗi chính tả, lỗi diễn đạt, bổ sung thêm thông tin cần thiết hoặc bớt đi các thông tin thừa. |  |
| 2.3. Giới thiệu đoạn văn.  - GV mời một số HS đọc kết quả bài làm của mình trước lớp.  - GV mời HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV thu một số bài chấm và nhận xét cung cả lớp. | - HS đọc bài viết của mình trước lớp.  - Các HS khác nhận xét.  - HS nộp vở để GV chấm bài. |

3. Vận dụng

|  |  |
| --- | --- |
| - GV cùng HS trao đổi về tác dụng của trò chơi kéo co. | **-** HS nêu: Trò chơi là môn thể thao rèn luyện sức khỏe, sức bền và tinh thần đoàn kết của người chơi.  Đây còn là môn thể thao vui nhộn bởi tinh thần cổ vũ cho hai đội và những pha té ngã hài hước. |
| \* GV chốt: Rèn luyện thể dục thể thao giúp cơ thể khỏe mạnh. Chính vì vậy chúng ta cần chăm chỉ luyện tập thể dục thể thao. |  |
| - Nhận xét, tuyên dương.  - Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - HS lắng nghe và ghi nhớ. |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

…………………………………………………………………………………………….